

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 02.8.2017

V/v: “Ly hôn, nuôi con”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM – TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Chánh Ngôn;

2. Ông Hoàng Văn Tâm;

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án,
Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Ry – Kiểm sát viên.*

Ngày 02.8.2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 196/2016/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2016, về việc: “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXX-HNGĐ, ngày 18.7.2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L – Sinh năm: 1978.

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Đội 7, Thôn PD 2, xã DT, huyện DX, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T – Sinh năm: 1978.

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn HL, xã TT, huyện HTN, tỉnh Bình Thuận.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội 14, Phân trại 1, Trại giam XL. Địa chỉ: xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị L có mặt, ông Nguyễn Hữu T vắng mặt (ông T có đơn xin vắng mặt đề ngày 11/7/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 08.10.2015 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, nguyên đơn là bà Trần Thị L trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2001 tại UBND xã TT. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại thôn HL, xã TT. Trong quá trình chung sống, bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà cho rằng ông T không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, đánh

bài, cá độ đá banh, không chăm lo được cho vợ con, gia đình. Sau khi kết hôn được hơn 01 năm thì vợ chồng bà sống ly thân. Sau đó bà vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, vợ chồng có hàn gắn tình cảm và quay về chung sống. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa bà và ông T vẫn thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn và nhiều lần vợ chồng bà sống ly thân. Đến khi con chung được khoảng 02 tuổi thì ông T phạm tội, sau đó bị kết án tù chung thân. Từ năm 2004, bà vẫn đi làm nuôi con và thỉnh thoảng đi thăm ông T. Hiện nay, bà nhận thấy hiện nay đã không còn tình cảm với ông Nguyễn Hữu T do giữa vợ chồng đã từng xảy ra nhiều bất đồng và đã từ lâu không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông T có 01 người con chung chưa thành niên tên là Nguyễn Trần Phi B (sinh ngày 25/3/2001). Hiện nay con chung đang sống với ông bà nội (tức là cha mẹ của ông T). Về vấn đề con chung, hiện nay ông T đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi con, vì vậy bà đề nghị Tòa án giao cho bà được quyền nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Bà và ông T không có nghĩa vụ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết, bị đơn là ông Nguyễn Hữu T trình bày:*

Ông và bà Trần Thị L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2001 tại UBND xã TT. Sau khi kết hôn vợ chồng ông sống tại thôn thôn HL, xã TT. Ông thừa nhận trong thời gian chung sống giữa vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn, nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Kể từ khi ông bị bắt đi thi hành án (ngày 01/12/2004) bà L vẫn thường xuyên đến thăm ông. Tuy nhiên, giữa vợ chồng đã không còn chung sống từ lâu, bản thân ông phải chấp hành án phạt tù trong thời gian dài nữa. Ông cũng đã từng khuyên bà nên ly hôn để lập gia đình mới. Đến năm 2015, bà Lang đã làm đơn xin ly hôn và ông cũng đã đồng ý ký vào đơn này. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị L, tạo điều kiện để bà L ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà L có 01 người con chung chưa thành niên tên là Nguyễn Trần Phi B (sinh ngày 25/3/2001). Hiện nay con chung đang sống với ông bà nội (là cha mẹ ruột của ông). Do ông đang phải chấp hành hình phạt tù nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con, hiện nay con cũng gần đủ tuổi trưởng thành, nên để con tự quyết định, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn đang phải chấp hành án phạt tù, không thể tham gia phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L; đề nghị Tòa án giao con chung của ông T và bà L là Nguyễn Trần Phi B (sinh ngày 25/3/2001) cho bà L nuôi dưỡng; Về án phí: bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Trần Thị L nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu Tr (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn HL, xã TT, huyện H TN, Bình Thuận. Hiện nay đang chấp hành án tại Phân trại số 01, trại giam XL; địa chỉ: xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.); căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Bị đơn - ông Nguyễn Hữu T - đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông với lý do hiện ông đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không thể đến Tòa án để giải quyết các vấn đề trong vụ án (đơn xin vắng mặt đề ngày 11/7/2017). Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn - bà Trần Thị L: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong khoảng thời gian chung sống với nhau từ năm 2001 đến 2004, giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Hữu T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến nhiều lần sống ly thân, mặc dù đã có thời điểm hai bên cố gắng hóa giải bất đồng để tiếp tục chung sống nhưng sau đó cũng không thể hàn gắn tình cảm. Từ năm 2004 đến nay, do ông T bị bắt đi chấp hành án phạt tù nên hai bên đã không chung sống với nhau, bà Lang cho rằng không còn tình cảm với ông T; hơn nữa, bản thân ông T cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định rằng tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Hữu T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L.

Về vấn đề con chung: Hiện nay con chung của ông T và bà L là cháu Nguyễn Trần Phi B (sinh ngày 25/3/2001) đang sống với ông bà nội (tức là cha mẹ của ông Trường). Hội đồng xét xử xét thấy: hiện nay ông T đang chấp hành án phạt tù, không có điều kiện nuôi con, căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao cháu Nguyễn Trần Phi B cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, Khoản 1 Điều 56, các Điều 69, 71, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L. Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Trần Phi B (sinh ngày 25/3/2001) cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được phép ngăn cản người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn có thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 200.000 đồng - theo biên lai số 0007090 ngày 03.10.2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam. Bà Trần Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02.8.2017). Bị đơn - ông Nguyễn Hữu T- vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát ND HTN;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS HTN;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Quốc Hội